

## Listening script "The haunted house"

Nest is the church in the village of Sandford Orcas there is an old gatehouse. If you go through the gate you arrive at the minor manor house which is famous for its large number of ghosts.

The present owner of the manor says that it is difficult to keep servants because the ghosts frighten them. Many people have seen the ghost of the previous owner. He was a farmer who committed suicide by hanging himself from the gatehouse, and he often appears in the garden wearing old working clothes.

Another ghost is an 18th century priest who used to kill visitors while they were asleep in their beds. He still sometimes frightens guests in the

middle of the night by standing over their beds holding a knife.

The ghost of a servant sometimes walks along the dark corridors of the house. He murdered his master at Sandford Orcas, but nobody knows why.

But perhaps the most frightening story is of a young man who grew up in the house and then became a sailor. While he was at sea, he killed a boy, and then went mad. When he returned to Sandford Orcas, they locked him in a room at the back of the house. He never left the room again, and died there several years later. On some nights when the moon is full, you can hear him screaming and banging on the door of the room.

## Tự thiết kế bài nghe

Bạn làm thế nào để phát triển bài khóa dưới đây thành một bài dạy nghe?

### Do we really need to sleep?



Sleep is a powerful influence on all our lives, and a 60-year-old person has spent almost twenty years asleep. However Ray Meddis, a scientist at the Sleep Research Unit at Loughborough University, has a fascinating new theory. He suggests that we don't really need to sleep at all. We sleep only because our brain is "programmed" to make us do so.

According to Dr Meddis, the "tiredness" we feel at the end of the day is produced by a chemical mechanism in the brain which makes us sleep. We are "programmed" to feel "tired" or "sleepy" at midnight, even if we have spent the day relaxing on the beach or doing nothing. Dr Meddis believes that the unpleasant symptoms we suffer when we don't sleep enough are not because we have not rested but because we have disobey our brain programming. If scientists could locate and "turn off" the sleep mechanism in our brain that produces tiredness, we could live completely normal and healthy lives without sleeping.



# ĐẠY KỸ NĂNG NÓI

## Học sinh ngại nói tiếng Anh (Learner Communication Apprehension)

Dù bạn dạy nói giỏi cỡ nào mà lớp học vẫn cứ lặng im, chỉ nghe âm thanh của tiếng gót giầy giám thị gõ lớp cộp ngoài hành lang, thì buổi dạy thất bại. Giáo viên cần phải biết nguyên nhân của việc học sinh ngại nói, sợ nói, hoặc... không thêm nói tiếng Anh trong lớp và có giải pháp thích hợp. Giáo viên không hiểu được sự im lặng của học trò thì sẽ chẳng bao giờ hiểu được những điều các em nói, như thế tương tác giữa giáo viên và học sinh sẽ trở nên bị động, lớp học sẽ trở nên nhàm chán và thây, cô không thể đổ lỗi cho học sinh hay cho các thiết bị trong lớp được.

### Nguyên nhân

- Học sinh ngại nói tiếng Anh vì bộ máy phát âm không hoàn chỉnh, như nội ngưng, sứt môi, hở hàm ếch, viêm xoang mãn tính, viêm họng mãn tính.
- Học sinh bản tính trầm lặng ít nói.
- Học sinh sợ nói sai chúng bạn cười.
- Học sinh sợ nói sai ngữ pháp.
- Học sinh không đủ vốn từ.
- Giáo viên chỉ nói... tiếng Việt. Tình trạng này rất phổ biến. Điều này một phần là do khả năng nói tiếng Anh của giáo viên bị hạn chế, chỉ nói hai từ Hello và Goodbye còn lại nói tiếng Việt suốt. Giáo viên muốn tiết kiệm thời gian nên nói tiếng Việt cho tiện. Giáo viên cho rằng nói tiếng Việt học sinh dễ hiểu hơn. Thây, cô chỉ nói tiếng Việt thì làm sao học sinh nói tiếng Anh được!
- Giáo viên chỉ hỏi những học sinh giỏi, không khuyến khích học sinh trung bình và yếu.
- Giáo viên quá nghiêm khắc khiến không khí lớp học ngột ngạt, khó thở.

- Thái độ của giáo viên khi đứng lớp làm học sinh ngại nói.
- Giáo viên giảng bài ào ào, không có thời gian cho học sinh nói.
- Giáo viên chỉ giảng ngữ pháp, dịch bài khóa, cho học sinh trả lời câu hỏi và làm bài tập. Phần nghe và nói hầu như không được nhắc đến.

Có nhiều nguyên nhân khiến học sinh ngại nói tiếng Anh trong lớp. Có thể chia thành 3 nhóm nguyên nhân: nguyên nhân về mặt tâm lý, nguyên nhân từ phía bản thân người học và nguyên nhân sư phạm. Một trong những lý giải chính cho tình trạng ngại nói của người học về mặt tâm lý và giáo dục là sự lo lắng. Một nguyên nhân tâm lý khác là thiếu động cơ, thiếu sự khuyến khích. Về phía người học, ngại nói có thể bắt nguồn từ sai sót về mặt ngôn ngữ, như phát âm sai, yếu ngữ pháp, không đủ từ vựng. Người học ngại nói thường là do sợ sai và sợ mất mặt trước bạn bè. Về mặt sư phạm, môi trường lớp học, phương pháp giảng dạy, thái độ của giáo viên là những yếu tố hình thành tình trạng ngại nói của học sinh. Cuối cùng, cơ chế dạy học và thi cử buộc giáo viên tập trung dạy ngữ pháp và đọc hiểu, giải bài tập luyện thi khiến cho người học có ít cơ hội để phát biểu.

(Nguyễn Mạnh Thảo, *Learner Communication Apprehension*, pp. 20, 21)

## Giải pháp

Để khuyến khích học sinh nói tiếng Anh trong lớp, điều cần thiết là:

- Hóa giải nỗi lo âu, sợ hãi và trăn trở nhân cách của người học.
- Giáo viên nên kết hợp những hoạt động hấp dẫn như làm việc theo cặp, làm việc nhóm, đóng vai, thi đua, trò chơi và ca hát để tạo mối tương tác tốt giữa giáo viên và học sinh.
- Giáo viên nên làm cho bầu không khí lớp học trở nên vui vẻ và thân thiện hơn để người học cảm thấy an toàn, thoải mái khi tham gia và thực hiện các hoạt động trong tiết học.
- Bài giảng phải rõ ràng, từ mới phải được đưa vào một cách tự nhiên và hợp lý.
- Người học gặp khó khăn về phát âm cần phải được đặc biệt giúp đỡ để họ có thể tự tin khi nói tiếng Anh.

Những giải pháp này sẽ hỗ trợ người học trong việc nói tiếng Anh cũng như tham gia vào các hoạt động khác của lớp học.

(Nguyễn Mạnh Thảo, *Learner Communication Apprehension*, p. 21)

## Cấu trúc của một bài dạy nói

Một bài dạy nói tốt gồm có ba phần:

1. **Dẫn nhập:** Trước khi bắt đầu bài dạy nói, giáo viên phải biết gợi ý cho học sinh nói, tức là giới thiệu đôi chút về chủ đề, cung cấp từ mới, thành ngữ, cấu trúc câu... có liên quan đến chủ đề. Ví dụ: Để dạy bài "Asking for direction", giáo viên hỏi học sinh sống ở đâu, đi học bằng phương tiện gì, đường từ nhà đến trường bao xa, chỉ đường cho giáo viên từ trường đến nhà học sinh... Sau đó giáo viên cung cấp từ mới về đường phố, ngã tư, giao lộ, bùng binh, tín hiệu giao thông, tên một số địa điểm. Kế tiếp, giáo viên cung cấp một số cấu trúc câu về hỏi đường như "Is there a post office near here? Go straight ahead, turn right, turn left...".
2. **Vận dụng ngôn ngữ trong giao tiếp:** Người học sử dụng từ mới, thành ngữ, cấu trúc câu vừa mới được giới thiệu để thực hành, luyện tập giao tiếp. Trước hết học sinh thực hành nói theo cấu trúc câu cho sẵn và biến đổi với những từ mới mà giáo viên cung cấp.

Ví dụ:

Giáo viên: bank

Lớp: Is there a bank near here?

Giáo viên: post office

Lớp: Is there a post office near here?

Giáo viên: bus stop

Học sinh 1: Is there a bus stop near here?

Giáo viên: bookstore

Học sinh 2: Is there a bookstore near here?

Phần thực hành này chuẩn bị cho người học những kỹ năng cần thiết để tham gia giao tiếp. Ví dụ: Giáo viên cho học sinh thực hành hỏi và chỉ đường với từ vựng và cấu trúc câu đã cho.

A Excuse me?

B Yes?

A Is there a post office near here?

B Yes, there is.

A Is it far?

B No, it isn't very far. First right, second left.





- A Thank you very much.  
B That's all right.

(Streamline English Departures, Unit 7)

3. **Sáng tạo:** Người học vận dụng từ mới, thành ngữ, cấu trúc câu đã học để giao tiếp tự do, sáng tạo ra những đoạn hội thoại mới. Ví dụ: Giáo viên cho học sinh thực hành giao tiếp tự do dưới hình thức làm việc theo cặp và làm việc nhóm. Học sinh hỏi và chỉ đường từ nhà đến trường / bưu điện / ngân hàng / nhà sách / rạp chiếu phim / nhà hàng.

## Phát triển hoạt động nói

- Luyện tập:** Giáo viên cho học sinh luyện tập hỏi và trả lời theo cấu trúc câu cho sẵn.

Ví dụ:

Học sinh 1: Which soup would you like?

Học sinh 2: Tomato soup.

Học sinh 1: Which wine would you like?

Học sinh 2: A bottle of red wine, please.

(Streamline English Departures, Unit 11)

- Giao tiếp thực tế:** Giáo viên yêu cầu học sinh sử dụng tiếng Anh để hoàn thành một công việc, chẳng hạn gọi điện thoại đến khách sạn để đặt phòng, đăng ký tour du lịch, nhận thông tin và chuyển lại cho giám đốc. Người học không thể học thuộc lòng từng cấu trúc câu cho trước mà phải ứng biến theo tình huống, phải hình dung câu chuyện, dự đoán nhiều cách đối đáp và luyện tập trả lời cho suôn sẻ.

## Hoạt động nói

Giáo viên có thể sử dụng các phương pháp sau đây để việc dạy nói đạt hiệu quả:

### 1. Tìm ý tưởng

Với một chủ đề cho trước, người học phải tìm các ý tưởng trong một khoảng thời gian nhất định. Đây là bước chuẩn bị để giúp học sinh suy nghĩ trước về từ vựng, ngữ pháp, thành ngữ mà họ có thể sử dụng ở hoạt động tiếp theo.

Ví dụ: Chia lớp làm 4 nhóm. Giáo viên đưa cho mỗi nhóm một tấm ảnh. Mỗi nhóm nhìn tấm ảnh và phát biểu hoặc nhận xét. Thư ký của mỗi nhóm sẽ ghi lại. Cuối cùng, đại diện của mỗi nhóm sẽ đọc nhận xét của nhóm mình. Mỗi nhóm cũng

có thể sáng tác một câu chuyện dựa trên tấm ảnh này. Câu chuyện gây cười ý nhị, hóm hỉnh càng tốt, vì nó tạo không khí vui vẻ cho lớp học.

### 2. Điền vào chỗ trống

- Học sinh làm việc theo cặp.  
 Một học sinh có thông tin mà bạn cùng cặp không có, hai người chia sẻ thông tin với nhau.  
 Mục đích là để thu thập thông tin điền vào biểu đồ, thời gian biểu, bài khóa, bài thơ, câu chuyện, bức tranh, ca khúc...

### 3. Xếp hình

- Mỗi học sinh có vài mảnh ghép của trò chơi xếp hình và hợp tác với bạn của mình để điền vào một bức tranh tổng thể.  
 Những mảnh ghép có thể là mảnh ghép của một bức tranh hoạt hình, ảnh chụp, những câu lấy từ bài khóa, những từ của một khổ thơ, chi tiết của một câu chuyện, một đoạn băng, một ca khúc...  
 Người học phải bàn bạc với nhau để tìm ra một trình tự sắp xếp thích hợp nhất.





#### 4. Đóng vai

Đóng vai là hoạt động rất vui trong giảng dạy tiếng Anh mà hầu hết học sinh đều ưa thích. Hoạt động này giúp người học giao tiếp tốt và phát triển trí tưởng tượng và sáng tạo. Trước hết, giáo viên phải giải thích tình huống, giới thiệu nhân vật. Giáo viên cũng có thể cung cấp một số thuật ngữ và cấu trúc câu để người học có thể kết hợp vào lời thoại của mình.

Giáo viên phân vai cho học sinh. Mỗi học sinh một tấm thẻ (role card) mô tả nhân vật hoặc vai diễn. Trong thẻ giáo viên ghi từ ngữ, cấu trúc câu hoặc một số cách diễn đạt.

Ví dụ: "Teenage Dilemmas"

- Son / Daughter: You're going to ask one of your parents if you can go on holiday with your friends. You really want to go but you think your parent is going to say no. Explain why s/he should let you go. Try not to get angry or upset with your parent, but continue trying to persuade him/her.
- Parent: Your 17 year-old son / daughter is going to ask if s/he can go on holiday without you. You love your child and want the best for him/her, but you don't think s/he should go. Listen to what s/he says, but explain your reasons too.

#### 5. Mô phỏng

Mô phỏng rất giống như đóng vai, nhưng tinh tế hơn.

Trong mô phỏng, người học có thể mang vật dụng tới lớp để làm cho môi trường thực tế hơn. Ví dụ: Nếu học sinh đóng vai ca sĩ thì có thể mang theo micro, đàn, trống...

#### 6. Giải quyết vấn đề

Giáo viên đưa ra một loạt hành động cho học sinh lựa chọn. Người học phải quyết định lựa chọn và loại bỏ động tác nào và giải thích việc lựa chọn đó. Ví dụ: Sau đây là các hành động trong một buổi phỏng vấn xin việc làm. Học sinh làm việc trong nhóm và quyết định phải lựa chọn hành động nào và loại bỏ động tác nào để buổi phỏng vấn thành công. Sau đó mỗi nhóm sẽ so sánh kết quả của nhóm mình với các nhóm khác.

arrive early, bring resume, shake hands, chew gum, speak only when asked questions, bring salary history, bring letters of recommendation, look employers in the eye, ask your own questions, memorize answer to tough questions, etc.

#### 7. Thảo luận theo nhóm

Activity 1: Giáo viên chia lớp thành từng nhóm 3 học sinh. Mỗi nhóm sẽ được phát những tấm thẻ mang hình: swimming, singing, dancing, drinking, jogging, playing video games, surfing the Internet.

Mỗi học sinh lần lượt bốc một tấm thẻ và nói "I like/don't like..." và học sinh trong nhóm sẽ hỏi "Why/why not?".

Activity 2: Giáo viên chuẩn bị những tấm thẻ mang những cụm từ (nếu có hình càng tốt): operating a sewing machine, repairing a car, operating a cash register, operating a lawn mower, install plumbing, changing a diaper, play a musical instrument, grow vegetables, riding a motorbike, fixing a broken lamp, milking a cow, singing a foreign song, etc.

Mỗi một học sinh bốc một tấm thẻ và hỏi người trong nhóm "Can you \_\_\_?". Nếu câu trả lời là Yes thì người trong nhóm hỏi tiếp "How did you learn to do that?" Một học sinh sẽ ghi lại tất cả câu trả lời và trình bày trước lớp.

#### 8. Thảo luận về chủ đề gây tranh cãi

Giáo viên đưa ra một số chủ đề cho học sinh thảo luận trong nhóm. Mỗi thành viên phải phát biểu để bảo vệ quan điểm của mình.

- Children should be paid for doing work around the house. At what age should children be allowed to go out on a date? Do you think it is easier to be a father or a mother? etc.
- Should couples live together before they get married?
- Do you think television news programs don't just report the news - they create it?
- Do you think people spend too much time thinking about what they wear and how they look?
- Should children use smart phones?
- Do you feel that the popularity of the English language is a danger to other languages?
- Do most of us spend too much time worrying about the future and not enough time enjoying the present?

#### 9. Kể chuyện hoặc tóm tắt một vở kịch

Kể chuyện là một hoạt động giúp người học phát triển tư duy sáng tạo, tự tin nói trước đám đông. Học sinh tóm tắt một câu chuyện, một vở kịch hoặc nghĩ ra một câu chuyện và kể trước lớp.

Một hình thức kể chuyện sáng tạo khác là giáo viên bắt đầu kể chuyện và học sinh tiếp tục ở chỗ giáo viên dừng lại.



## 10. Phỏng vấn

- Học sinh học phỏng vấn các bạn cùng lớp để tìm ra nguyên nhân hoặc những mặt thuận lợi / bất lợi của một vấn đề. Người học tự đặt câu hỏi và phỏng vấn mọi người trong lớp trong một khoảng thời gian do giáo viên quy định. Ví dụ: Học sinh phỏng vấn các bạn để tìm ra nguyên nhân bạn ngại nói tiếng Anh trong lớp hoặc những thuận lợi / bất lợi của việc sử dụng facebook... Câu hỏi phải mang tính thăm dò và gợi trí tưởng tượng, chẳng hạn: "Why can't you speak English in class? What are the advantages and disadvantages of using smart phones? Do you use facebook? What do you use facebook for?" etc.
- Người học nên làm bằng câu hỏi hoặc ghi chú câu trả lời và thu thập thông tin. Cuối cùng, học sinh có 2 phút để trình bày trước lớp.
- Hoạt động này vui, sinh động nhưng dễ gây mất trật tự nếu giáo viên không kiểm soát lớp tốt.

Ví dụ: Alibi

- Ask your students if they have heard that the \_\_\_ down the street was robbed last night. The suspects are here in this class, and they are (choose two or three of the most talkative students and have them come to the front).
- These students have five minutes to leave the room and come up with a story about what they were doing for the two - hour time period in question the night before.
- The other students are the police, and their task is to work in small groups and question the suspects individually to see if their stories match. The suspects cannot say "I don't know" or "I don't remember"; if the police ask something, they have to answer. If the suspects' stories match - there are no discrepancies (không có sự khác biệt) - they must be found not guilty and set free. But if there are differences, they are guilty.
- After the five minutes during which the suspects are making up their story and the police are thinking of questions, each group of police interviews one of the suspects - at the same time. They have exactly five minutes, and after that the suspects switch groups and the police interview again. One person should take notes. At the end, the police share with the class what they found.

## 11. Thuyết trình

- Người học được yêu cầu đọc một tờ báo hoặc tạp chí và trình bày trước nhóm tin tức nào mình thấy hấp dẫn nhất.
- Mỗi nhóm trình bày trước lớp một chủ đề và điều khiển bạn cùng lớp thảo luận về chủ đề đã chuẩn bị.

- Nhóm được chấm điểm dựa trên kỹ năng thuyết trình và khả năng điều khiển các bạn thảo luận bằng tiếng Anh.

## 12. Làm bài tập lớn theo nhóm trong một học kỳ

- Mỗi nhóm viết kịch bản, đóng vai và làm video clip. Nhóm sẽ thảo luận để chọn đề tài, nhân vật, phân vai, màn, cảnh, lời thoại.
- Giáo viên xem video clip và ghi nhận những kỹ năng ngôn ngữ học sinh sử dụng, các khía cạnh của việc học ngoại ngữ ngoài việc học từ vựng và các quy tắc ngữ pháp.

## 13. Thảo luận theo hai vòng tròn

- Giáo viên đưa ra một đề tài thảo luận. Ví dụ: *What are the advantages and disadvantages of using smart phones?*
- Giáo viên chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm cử một đại diện để thảo luận.
- Học sinh thảo luận trong nhóm trước.
- Giáo viên chia lớp thành hai vòng tròn, vòng tròn lớn và vòng tròn nhỏ. Vòng tròn nhỏ gồm đại diện của mỗi nhóm. Vòng tròn lớn gồm các em còn lại.
- Đại diện các nhóm trong vòng tròn nhỏ thảo luận, các em ở vòng tròn lớn quan sát và ghi chú. Các em ở vòng ngoài cũng có thể tham gia thảo luận.
- Cuối cùng, giáo viên tổng kết buổi thảo luận và nhận xét.

## 14. Trò chơi

- Giáo viên có thể tìm trò chơi trong những cuốn sách dạy tiếng Anh bằng trò chơi hoặc các bài viết về sử dụng trò chơi trong việc dạy từ vựng / ngữ pháp / nghe / nói / đọc / viết trên internet. Sau đây là vài ví dụ:

### • Hot seat

Chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm cử một đại diện ra trước lớp. Đại diện mỗi nhóm ngồi trên ghế quay lưng về phía bảng.

Bạn viết một từ sau mỗi đại diện nhóm, sau đó mỗi nhóm phải giải thích hoặc định nghĩa từ đó để người đại diện có thể đoán được.

### • Hide a Word

Mỗi nhóm được phát một tờ giấy có ghi một chủ đề thông thường (weather, movies, K-pop, facebook, selfie...). Đại diện mỗi nhóm sẽ sang ngồi ở nhóm bạn, cầm tờ giấy của nhóm mình lên và nói ngay về chủ đề ghi trên giấy trong 1 phút mà không được nhắc đến chủ đề. Nếu nhóm bạn đoán đúng chủ đề, nhóm đó sẽ ghi 1 điểm, nếu không nhóm kia sẽ được 1 điểm.

## Dạy giao tiếp hiệu quả

Một giáo viên có bản lĩnh luôn hỏi mình 5 câu sau đây khi dạy nói:

### 1. Do I motivate my students?

How do I get learners to be emotionally involved in the discussion? (making content amusing, giving the discussion a humorous twist, building some degree of controversy, creating time constraint, restricting what learners can and cannot say, creating a sense of competition so they have to make quick decisions, etc.)

### 2. Do I get my students to process information?

How do I invite learners to exchange factual information, explanations, opinions, feelings, and attitudes?

### 3. Do I care about conversation strategies, roles and purposes?

What are some interaction strategies to be taught in the lesson? (agreeing, disagreeing, explaining, persuading, turning taking, expressing attitudes, etc.)

What roles do I want learners to play? (if they act as characters other than themselves)

What reason do I give learners to communicate? (making personal judgment, expressing preferences such as attitudes and beliefs, discovering missing information, seeking a solution, entering a conflict, etc.)

### 4. Do my students practice new language?

What language should I teach to make the use of interaction strategies more effective?

Should I teach learners some fixed conversational phrases? How do you help learners internalize such language?

### 5. Do I make the lesson personal enough for my students?

How do I organize for learners to express their own thinking in the discussion?

How do I allow learners to express what they prefer in the discussion?

How do I enable learners to relate the lesson content to their own situation?

## Một số hoạt động để tham khảo

### Activity 1 - Controversial topics

Topics that disturb or inspire students will tend to involve them emotionally and make them speak.

In groups study these provocative statements (khiêu khích) and decide your position. Everyone must come up with 3 statements to support your view.

- Should couples live together before they get married?
- Should students be punished for not doing homework?
- Should children use facebook?
- Should children use smart phones?

These are just a few examples. The teacher can create other topics based on students' age and interest.

### Activity 1 - Jigsaw conversation



Cut the image below into 6 pieces, each contains one frame (one small picture).

Divide class into 6 groups (name them group 1, 2, 3, 4, 5 and 6; each person must remember his/her number: if someone is from group 1, his number is 1). Give each group only one picture (this means you will need to print each small picture in multiple copies)

The group then work together to discuss the picture and try to memorize it.

The teacher then takes back the pictures from all the groups.

Now ask the class to form 6 new groups, each of which contain different members who are of different numbers. In other words, each group must have member number 1, member number 2, to member number 6. It is alright if there are two students of the same number.

Each member of a group now has memory of a small picture, so he / she describe it to the group. The whole group will find ways to construct the story based on the contribution of all the members.



The group who works out the story first will have the right to come up to the front of the class and tell the story for a reward from the teacher.



Truyện và tranh vẽ: Bảo Đạt



## DAY KỸ NĂNG ĐỌC

### Day đọc theo hướng thụ động

Đây là phương pháp dạy đọc phổ biến nhất, đặc biệt là đối với giáo viên phổ thông và giáo viên dạy luyện thi. Trong phương pháp này, giáo viên đọc mẫu hoặc cho học sinh nghe CD hoặc chẳng đọc gì cả. Sau đó là phần giới thiệu từ mới, giảng bài khóa hoặc đọc - dịch. Học sinh cầm cúi nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi, và làm bài tập trong sách giáo khoa.

- Đây là phương pháp dạy thụ động. Tương tác giáo viên - học sinh là một chiều. Người học thụ động tiếp thu kiến thức, không có giao tiếp, không tham gia vào các hoạt động của bài giảng.
- Thuận lợi của phương pháp này là tiết kiệm thời gian, dễ nghe, dễ hiểu (vì giáo viên giảng bài bằng tiếng Việt), thích hợp với các lớp luyện thi tiếng Anh tăng cường, thi vào lớp 6, lớp 10, thi tốt nghiệp THPT và thi đại học.

### Day đọc theo hướng tích cực

- Trong phương pháp này, tương tác giữa giáo viên và học sinh là đa chiều: Giáo viên  $\longleftrightarrow$  Học sinh, Học sinh  $\longleftrightarrow$  Học sinh.
- Học sinh tham gia tích cực các hoạt động của bài giảng.
- Giáo viên có thể kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy.
- Không khí lớp học trở nên vui tươi, sinh động.
- Học sinh tiếp thu tốt và vận dụng kiến thức vừa học trong giao tiếp.

### Day đọc mở rộng và đọc chuyên sâu

Theo Harmer (2012, p. 283), để việc học đọc đạt hiệu quả tối đa, người học cần tham gia cả hai hoạt động đọc mở rộng và đọc chuyên sâu. Đối với việc đọc mở rộng, giáo viên khuyến khích học sinh tự tìm tài liệu đọc để có được niềm vui trong học

tập và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Đối với việc đọc chuyên sâu, bài đọc thường do giáo viên chọn và hướng dẫn. Bài đọc được thiết kế để người học phát triển kỹ năng tiếp thu, như đọc để lấy ý chính, đọc để lấy thông tin cụ thể, đọc hiểu chi tiết hoặc đọc để suy luận và bày tỏ thái độ.

## Những trở ngại khi học đọc

- Người học không có đủ kiến thức liên quan đến bài đọc.
- Người học không được chuẩn bị trước.
- Người học không có đủ vốn từ và thành ngữ.
- Người học không hiểu một số cấu trúc câu.
- Người học yếu ngữ pháp.

## Chọn bài khóa để dạy

Do mỗi bài học trong sách giáo khoa hay trong chương trình đào tạo được quy định thời gian, giáo viên thường không có đủ thời gian để dạy bài khóa theo lựa chọn của mình mà dạy các bài khóa đã được biên soạn sẵn trong sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy của trung tâm ngoại ngữ. Tuy nhiên, nếu phải chọn bài khóa để dạy, bạn có thể tham khảo các tiêu chí sau đây:

- Chọn bài khóa mà người học có đôi chút hiểu biết về chủ đề để có thể tương tác với giáo viên và bạn cùng lớp trong suốt buổi học.
- Bài khóa có nội dung hấp dẫn, thú vị.
- Đơn giản hóa bài khóa nếu như nó quá khó đối với người học.
- Thiết kế những hoạt động và bài tập phù hợp.

Nên nhớ rằng, để dạy đọc hay thì trước tiên phải chọn bài đọc hay, có nội dung hấp dẫn. Một bài đọc đã hay sẵn rồi thì dạy bình thường cũng có thể có hiệu quả. Ngược lại, chọn một bài đọc tầm thường thì cho dù giáo viên dạy hay cỡ nào chăng nữa, buổi học cũng nhạt nhẽo. Đây là bí quyết quan trọng số một trong việc dạy đọc mà ít có giáo viên nào để ý.

## Ba giai đoạn dạy một bài đọc

### 1. Trước khi đọc

Mục đích của phần "trước khi đọc" là kích thích trí tưởng tượng, sự tò mò, hấp dẫn người đọc về chủ đề của bài khóa. Giáo viên có thể đặt câu hỏi, kể chuyện, cho học sinh đoán nội dung của bài khóa qua tựa bài, sử dụng hình ảnh, âm thanh, video clip, âm nhạc... nhằm chuẩn bị cho học sinh đọc bài khóa.

Vi dụ:

*Look at these pictures. Can you guess what the text is going to be about?*



Read these quotes to see how you agree / disagree:

- A woman is incomplete before she is married. Then she is finished.  
- Zsa Zsa Gabor -
- A wife is a woman who sticks with her husband through all the troubles he wouldn't have had if he hadn't married her.  
- Anonymous man -
- Men, we can't live with them, and we can't live without them.  
- Anonymous woman -

*Now read the text on the next page and fill in the gaps.*



## The Bluffer's Guide to Men and Women

### Approval

(1) **Men** are seekers for approval. They want to feel that (2) **women** have noticed them and need them. Best of all would be if (3) **women** admired them. They would do like it if they treated them, but that would probably be asking too much.

### Conversation

The average (4) **man** uses 10,000 words a day in speech; the average (5) **woman** only 6,000. (6) **Men** are perfectly adequate. Around the house, a (7) **woman** conversation is especially economical, often reduced to grunts and utterances of one syllable. Telephone calls are for the transmission of essential information, not for gossiping or the exchange of confidences. For (8) **men**, all information is essential. But what were you talking about? A (9) **woman** may ask a (10) **man** who has just spent two hours on the phone to someone they saw only that morning.



### A Good Guy

Although (11) **men** are officially acceptable - even desirable - to (12) **women** to try they will never be a match for (13) **women**. They will never understand how (14) **women** can, in the right circumstances, claim to enjoy a good cry. (15) **Men** make (16) **women** very uncomfortable, because they feel something is expected of them, but they don't know what.

### Nagging

It is important to remember that a (17) **woman** does not nag, but reminds. This point cannot be made too often. (18) **Men** are simply being made aware of the fact that they have not done what they said they were going to do, and therefore need to be prompted regularly, otherwise it won't get done.

### Housework

Three days (19) **men** can and do cook, wash and vacuum, and have even been known to clean the bath. But surveys show that (20) **women** still spend four or five times as long on domestic chores as their helpful spouses. The fact is that (21) **women** can tolerate a greater degree of grime and disorder before they even notice it. They have the advantage of being their own boss - they approach the state of the house rather like the Three Wise Men: "see no evil, feel no evil, speak no evil."



### Friendship

Friendship is immensely important to (22) **women**. (23) **Men** want friends to play with for exercise in sports games, or to people with whom to watch the Cup Final; whereas (24) **women** want friends to talk to. They have friends for a way. (25) **Men** have hidden

### Cult

(26) **Men** feel guilty about everything, all the time. They feel guilty about their weight, their appearance, their career, their mothering skills, the children of their women. Above all, they feel guilty about not being perfect. They read articles in glossy magazines about "being it all" then they read about the folly of sacrificing quality of life and peace of mind to Superwoman status, and feel conscience-stricken about that too.

### Commitment

(27) **Men** find it hard to control themselves in a relationship. Getting them to do so is the getting hold of a nap in the bath. For (28) **women** the very idea of commitment is uncomfortable. To commit - after all, the same verb is used for suicide or being sent to an asylum. They harbour the distinct fear that marriage will change them. (29) **Men** only hope that it will.

### Shopping

The majority of (30) **women** dislike shopping. It not only means spending money, but making snap decisions. They like window-shopping first, studying advertisements and comparing prices before going out and buying a car, a house or an international corporation. The purchase of a lettuce, cat food or air freshener does not excite them. (31) **Men** are concerned, in window-shopping. This they do not understand at all. The joy of staring at goods which cannot be bought because the shop is closed, is quite beyond their comprehension.

Sau đây là một số phương pháp giáo viên có thể sử dụng trong phần "trước khi đọc":

### a. Đặt câu hỏi

Ví dụ:

Để dạy bài "Blind Date" (*American Headway 2, Unit 1, pp. 6, 7*), giáo viên hỏi cùng hoàng đạo của học sinh là gì - Bạch Dương, Kim Ngưu hay Bảo Bình... cùng nào phổ biến nhất, những người cùng cung hoàng đạo có hợp với nhau không.

(What's your star sign? Find out all the star signs in the class. Which is the most common? Do you think people who have the same star signs get along better?)

## SIGNS OF THE ZODIAC



Aquarius



Pisces



Aries



Taurus



Gemini



Cancer



Leo



Virgo



Libra



Scorpio



Sagittarius



Capricorn

**b. Thảo luận về một bức tranh, một tấm ảnh**

Vi dụ:

Bài "Two different lives" (*American Headway 2*, Unit 2, pp. 10, 11)

- Look at the pictures. Who are the people? Where are they?
- Read the paragraphs and match them with the correct person. Write the letters a - h in the boxes for Anne - Marie and Lien.

**c. Chia sẻ một giải thoại**

Vi dụ:

Bài "Davina Moody Drama Queen" (*American Headway 2*, Unit 7, pp. 54, 55)

Giáo viên kể một giải thoại về tình nết kỳ lạ của các ca sĩ, diễn viên Việt Nam, sau đó yêu cầu học sinh:

*Write down the names of two celebrities who are in the news right now. Read the names aloud around the class. Say why they are in the news. What have they done?*



## Davina Moody

### Drama Queen

#### Los Angeles

Wednesday, February 8th

She arrived by private jet on Sunday morning with a 20-strong entourage, including her PA (personal assistant), the PA to the PA, her hairdresser, make-up artist, manicurist, chef, dietician, masseuse, personal trainer, chauffeur, six bodyguards and, of course, a vet for her six-month-old King Charles Spaniel, Pooksie.

By Sunday evening the staff at California's Hollywood Hills Hotel, who have met and looked after some of the world's most famous and most temperamental film stars, felt that this star deserved an Oscar for her off-screen performance. Davina Moody was very moody, the moodiest of them all.

**d. Viết ra câu hỏi có thể dùng bài khóa để trả lời**

Vi dụ:

Bài "Davina Moody Drama Queen" (*American Headway 2*, Unit 7, pp. 54, 55)

- How did Davina travel?
- Who did she travel with?
- Is Davina the first famous star to stay in the hotel?
- Did the hotel staff enjoy looking after her?

**e. Sử dụng hình ảnh, yêu cầu người học đoán trước diễn biến của câu chuyện**

Vi dụ:

Bài "The Man with the Golden Gun" (*American Headway 2*, Unit 2, pp. 10, 11)

Học sinh xem 8 tấm hình mô tả câu chuyện điệp viên 007 và dự đoán những diễn biến tiếp theo.

*(You are going to listen to an extract from The Man with the Golden Gun. Cover the story and look at pictures 1 - 8. What do you think is happening?)*

